

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
70-CP ngày 11-7-1994 về việc
thành lập cơ quan Kiểm toán
Nhà nước.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường sự kiểm soát của Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và tài sản Quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập Kiểm toán Nhà nước để giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện chức năng kiểm tra, xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp của tài liệu và số liệu kế toán, báo cáo quyết toán của các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội sử dụng kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp.

Điều 2.- Kiểm toán Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm toán hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó. Định kỳ báo cáo thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm toán lên Thủ tướng Chính phủ.

2. Cung cấp kết quả kiểm toán cho Chính phủ và cho các cơ quan Nhà nước khác theo quy định của Chính phủ.

3. Xác nhận, đánh giá và nhận xét các tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo quyết toán đã được kiểm toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã đánh giá, nhận xét, xác nhận.

4. Thông qua hoạt động kiểm toán góp ý kiến với các đơn vị được kiểm toán sửa chữa những sai sót, vi phạm để chấn chỉnh công tác quản lý tài

chính, kế toán của đơn vị; Kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý những vi phạm chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước; Đề xuất với Thủ tướng Chính phủ việc sửa đổi, cải tiến cơ chế quản lý tài chính, kế toán cần thiết.

5. Khi thực hiện nhiệm vụ, Kiểm toán Nhà nước chỉ tuân theo pháp luật và phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ đã được Nhà nước quy định; Được yêu cầu đơn vị được kiểm toán và các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

Trong trường hợp đoàn Kiểm toán hoặc Kiểm toán viên có ý kiến khác nhau thì Kiểm toán Nhà nước xem xét và có ý kiến kết luận cuối cùng.

6. Quản lý các hồ sơ, tài liệu đã được kiểm toán theo quy định của Nhà nước; Giữ bí mật tài liệu, số liệu kế toán và sự hoạt động của đơn vị được kiểm toán.

7. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, cơ sở vật chất của hệ thống tổ chức Kiểm toán Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Điều 3.- Kiểm toán Nhà nước do Tổng Kiểm toán Nhà nước lãnh đạo và các Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước giúp việc Tổng Kiểm toán Nhà nước, Tổng Kiểm toán, các Phó Tổng Kiểm toán do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm và miễn nhiệm; Tổng Kiểm toán Nhà nước chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ toàn bộ công tác kiểm toán Nhà nước, các Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước chịu trách nhiệm trước Tổng Kiểm toán Nhà nước về nhiệm vụ được phân công.

Khi cần thiết, Kiểm toán Nhà nước được thành lập Hội đồng Kiểm toán để thẩm định báo cáo kiểm toán. Hội đồng Kiểm toán do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập và quy định quy chế làm việc.

Kiểm toán Nhà nước có con dấu và tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp.

Điều 4.- Kiểm toán Nhà nước được tổ chức và quản lý tập trung thống nhất, cơ cấu tổ chức gồm có:

1. Kiểm toán ngân sách Nhà nước,
2. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và các chương trình, dự án vay, nợ, viện trợ Chính phủ,

3. Kiểm toán doanh nghiệp Nhà nước,
4. Kiểm toán chương trình đặc biệt (an ninh, quốc phòng, dự trữ quốc gia...),
5. Văn phòng.

Các đơn vị từ số 1 đến số 4 có Kiểm toán trưởng, Phó Kiểm toán trưởng; Văn phòng có Chánh và Phó Văn phòng. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nói trên.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức nói trên do Tổng Kiểm toán Nhà nước quy định.

Điều 5.- Tổng Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán Nhà nước, về quy chế hoạt động của ngạch công chức kiểm toán.

Điều 6.- Bộ Tài chính có trách nhiệm trình Chính phủ ban hành các chuẩn mực kiểm toán.

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách năm 1994.

Tổng Kiểm toán Nhà nước, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có sử dụng ngân sách Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 87-CP ngày 17-8-1994 quy định khung giá các loại đất.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính và Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Nghị định này Bảng khung giá các loại đất.

Điều 2.- Khung giá các loại đất xác định như sau:

1. Đối với đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, giá đất được xác định cho từng hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp chia theo 3 loại xã: đồng bằng, trung du, miền núi.

2. Đối với đất khu dân cư ở nông thôn, giá đất được xác định cho từng hạng đất và chia theo 3 loại xã: đồng bằng, trung du, miền núi.

3. Đối với đất khu dân cư ở các vùng ven đô thị, ven đầu mối giao thông và trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp giá đất được xác định cho từng hạng đất, và chia theo 3 loại.

Hạng đất để xác định giá đất khu dân cư ở nông thôn, đất khu dân cư ở ven đô thị, ven đầu mối giao thông và trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương.

4. Đối với đất đô thị, giá đất được xác định cho 5 loại đô thị theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong mỗi loại đô thị chia ra 3 đến 4 loại đường phố; trong mỗi loại đô thị chia ra 4 hoặc 5 loại vị trí đất khác nhau.

Loại đường phố trong đô thị được xác định căn cứ chủ yếu vào vị trí, khả năng sinh lợi, mức độ hoàn thiện của cơ sở hạ tầng và tham khảo giá đất thực tế của từng đô thị.

Vị trí đất trong từng đô thị được xác định căn cứ vào điều kiện sinh lợi và giá đất của từng vùng đất trong đô thị.

5. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh) thực hiện việc phân hạng đất khu dân cư ở nông thôn, căn cứ vào loại đô thị theo quy định hiện hành và tình hình thực tế ở địa phương mà quyết định loại đường phố và vị